

Số 19 /KH-LN

Lộc Nga, ngày 14 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của nhà trường

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 quy định về Công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn số 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ quyết định 1287/QĐ-UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 08/8/2024 về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Công văn số 1208/SGDĐT-GDTrH ngày 06/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 – 2025;

Thực hiện công văn số 344/PGDĐT-THCS ngày 04 tháng 9 năm 2024 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ cấp trung học cơ sở năm học 2024-2025;

I/ MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1/ Mục đích:

Thực hiện công tác công khai của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, thu chi tài chính để toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh và xã hội có thể theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá các hoạt động của nhà trường trong năm học 2024- 2025 theo đúng các quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các thành viên trong nhà trường trong công tác quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, hạn chế. Đồng thời thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí trong nhà trường.

2/ Yêu cầu:

Thực hiện đầy đủ nội dung, hình thức công khai theo Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ GDĐT (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Luật phòng chống tham nhũng.
 Công khai minh bạch phù hợp với quy định tại điều 12 Luật PCTN và thời
 điểm công khai được quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày
 03/6/2024.

A. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

I/ Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Trường THCS Lộc Nga

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện
 thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở
 giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Số 45 Âu Cơ, Đại Nga, Lộc Nga, Tp Bảo Lộc, Lâm Đồng.

- Điện thoại: 02633862716

- Email: C2locnga.baoloc@lamdong.edu.vn

- Trang Web: <https://thcslocnga.baoloc.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở
 hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ
 sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư
 (nếu có).

Ủy ban nhân dân thành phố Bảo Lộc

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Xây dựng được nhà trường dạy và học có dân chủ, nề nếp, kỷ cương, tình
 thương, trách nhiệm đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội
 bình đẳng trong giảng dạy và học tập, phát triển năng lực cá nhân, phát triển năng lực,
 tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng. Làm cho học sinh đều nhận thấy rằng “ *Mỗi
 ngày đến trường là một ngày vui*”

- Phân đầu trở thành một trong những đơn vị giáo dục có chất lượng cao của
 thành phố, xứng tầm với quy mô phát triển của nhà trường; phân đầu đến năm 2025
 trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Tạo môi trường tốt để giáo viên và
 học sinh luôn có khát vọng vươn lên trong giảng dạy và học tập.

Là nơi giáo dục học sinh thành những con người năng động, sáng tạo nhiệt tình
 trong công việc biết yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt
 trong cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo
 dục trong thời kỳ mới đáp ứng với việc đổi mới chương trình sách giáo khoa 2018.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh theo định hướng phát triển
 năng lực người học.

Huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Tham mưu với các cấp hoàn
 thiện, bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy, trang thiết bị dạy học.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển của địa phương và thành phố. Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, được kiểm định chất lượng và đạt mức độ 3 vào năm 2025 và duy trì mức độ 3 đến năm 2030.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường THCS Lộc Nga.

- Thành lập trường năm 1975 Tên trường: Cấp 1 -2 Lộc Nga

Thầy Hiệu trưởng: Thầy Đỗ Thanh Tịnh; Từ năm 1975 đến năm 1978

- Từ năm 1979 đến năm 1980 trường có tên cấp 1-2 Lộc Nga đến năm 1980 trường sát nhập với Lộc An và đổi thành trường cấp 1-2 An Nga

Thầy Hiệu trưởng: Thầy Nguyễn Văn Bích;

- Từ năm 1981 đến năm 1983 (tháng 8/1983) trường có tên cấp 1-2 An Nga

Hiệu trưởng: Thầy Hoàng Quang Khôi;

- Từ năm 1983 đến năm 1986 : Hiệu trưởng: Cô Nguyễn Ngọc Lan;

- Từ năm 1986 đến năm 1990; Hiệu trưởng Thầy Võ Trọng Hà

- Năm 1990, theo quyết định số 363/QĐ-UB về việc tách trường Phổ Thông Cơ Sở cấp 1 ra, trường có tên là PTCS Lộc Nga

- Từ năm 1991 đến 1992 Thầy Nguyễn Thắng Phong Làm Hiệu trưởng

- Từ năm 1992 đến 1994 Thầy Nguyễn Đức Thuận Làm Hiệu trưởng

- Từ năm 1994 đến 1997 Thầy Nguyễn Thắng Phong Làm Hiệu trưởng Từ năm 1994 đến nay, trường chính thức mang tên THCS Lộc Nga. Vị trí của trường THCS Lộc nga ở trung tâm xã, tọa lạc tại địa chỉ số 45 đường Âu Cơ – Thôn Đại Nga – Xã Lộc Nga – Thành phố Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng

- Từ năm 1998 đến 2010 cô Trần Thị Lệ Huyền Làm Hiệu trưởng

- Từ năm 2010 đến 2018 Thầy Nguyễn Văn Hữu Làm Hiệu trưởng

- Từ năm 2018 đến nay Thầy Đỗ Văn Năm Làm Hiệu trưởng

Giai đoạn từ năm 1975 đến 2010 Từ khi thành lập trường tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ, đời sống của các thầy cô còn nhiều khó khăn nhưng đội ngũ tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, tương thân tương ái giúp đỡ nhau để luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhà nước, nhân dân giao.

- Từ năm 2010 đến nay trường đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, Cơ sở vật chất được đầu tư khang trang, thiết bị dạy học tương đối hiện đại, đầy đủ, đội ngũ thầy cô đảm bảo về số lượng, chất lượng hiện nay 100% CBGVNV đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ, số lớp, số học sinh đã được tăng lên và duy trì ổn định, trường chúng ta có truyền thống đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển.

Thành tích của trường từ năm 2010 đến nay trường đều đạt tập thể lao động tiên tiến, năm học 2018 – 2019 trường đạt tập thể lao động xuất sắc và được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia. Hàng năm số học sinh giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh đều được duy trì ổn định. Chất lượng đại trà ngang bằng với các trường trung tâm thành phố, có nhiều thế hệ học sinh thành đạt đóng góp cho việc xây dựng xã lộc Nga nơi riêng và đất nước nói chung.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Hiệu trưởng: Ông Đỗ Văn Năm
- Số 45 Âu Cơ, Đại Nga, Lộc Nga, Tp Bảo Lộc, Lâm Đồng.
- Số điện thoại: 0978279056
- Email: longlocnga1974@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Theo quyết định số 363/ QĐ-UB ngày 31/8/19990 Quyết định của UBND huyện Bảo Lộc về việc tách trường PTCS cấp 1 ra khỏi cấp 2 thuộc phòng giáo dục Bảo Lộc.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số: 280/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường THCS Lộc Nga nhiệm kỳ 2020-2025 của chủ tịch UBND Tp Bảo Lộc gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Đỗ Văn Năm	Bí thư CB, Hiệu trưởng	Trường THCS Lộc Nga	
2	Bùi Thị Phụng Vy	Chủ tịch CD Phó hiệu trưởng	Trường THCS Lộc Nga	
3	Nguyễn Huy Hoàng	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Trường THCS Lộc Nga	
4	Nguyễn Ngọc Ân	Tổ trưởng tổ KHTN	Trường THCS Lộc Nga	
5	Đặng Văn Mạnh	Tổ trưởng tổ KHXX	Trường THCS Lộc Nga	
6	Nguyễn Thị Duyên	Tổ trưởng tổ NN- MT	Trường THCS Lộc Nga	
7	Nguyễn Văn Lại	Tổ trưởng tổ TD	Trường THCS Lộc Nga	
8	Phạm Thị Minh Hoi	Tổ trưởng tổ VP	Trường THCS Lộc Nga	
9	Mai Duy Linh	Công chức văn hóa xã hội	Trường THCS Lộc Nga	
10	Âu Anh Tuấn	Trưởng ban ĐD CMHS	Trường THCS Lộc Nga	
11	Vũ Bảo Ngọc	Liên đội trưởng	Trường THCS Lộc Nga	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 Quyết định của UBND Tp Bảo Lộc về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý Chức vụ Hiệu trưởng cho Ông Đỗ Văn Năm;

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 03/04/2024 Quyết định của UBND Tp Bảo Lộc về việc thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với viên chức quản lý các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập chức vụ Phó hiệu trưởng cho Bà Bùi Thị Phụng Vy;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

- Theo quyết định số 363/ QĐ-UB ngày 31/8/19990 Quyết định của UBND huyện Bảo Lộc về việc tách trường PTCS cấp 1 ra khỏi cấp 2 thuộc phòng giáo dục Bảo Lộc.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ Email	Nơi làm việc
1	Đỗ Văn Năm	HT	0978279056	longlocnga1974@gmail.com	THCS Lộc Nga
2	Bùi Thị Phụng Vy	PHT	0941980779	Phuongvy2704@gmail.com	
3	Nguyễn Văn Lại	CTCD	0915986129	Laigio79@gmail.com	THCS Lộc Nga
4	Nguyễn Lê Huệ Anh	BTCD	0816753377	nglehueanh@gmail.com	THCS Lộc Nga
5	Nguyễn Hồng Thuận	TPT	0983052525	tongphutrachlocnga@gmail.com	THCS Lộc Nga
6	Nguyễn Ngọc Ân	TTC M	0363330457	Angvlocnga789@gmail.com	THCS Lộc Nga
7	Nguyễn Huy Hoàng	TPC M	0385408922	Hoangvatlyc2locnga@gmail.com	THCS Lộc Nga
8	Đặng Văn Mạnh	TTC M	0365811229	Manhbaoloc81@gmail.com	THCS Lộc Nga
9	Đoàn Thị Thủy Liên	TPC M	0916479219	doanlienlocnga@gmail.com	THCS Lộc Nga
10	Nguyễn Thị Duyên	TTC M	0977482722	duyengiaenglish@gmail.com	THCS Lộc Nga
11	Nguyễn Đình Thái	TPC M	0978220444	dinhthai3376@gmail.com	THCS Lộc Nga

12	Phạm Thị Minh Hợi	TTVP	0372166988	Minhhoi2105@gmail.com	THCS Lộc Nga
----	-------------------	------	------------	-----------------------	-----------------

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục theo Kế hoạch số 27 /KH-THCSLN ngày 15/10/2020 về kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Lộc Nga giai đoạn 2020 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở được xây dựng và có điều chỉnh hằng năm
- Các nghị quyết của hội đồng trường được xây dựng hằng năm ít nhất 3 nghị quyết trong năm.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính được xây dựng hằng năm
- Quy chế làm việc của nhà trường được xây dựng và có điều chỉnh hằng năm
- Quy chế nâng lương thường xuyên và trước thời hạn
- Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng và có điều chỉnh hằng năm
- Quy chế phối hợp với Công đoàn
- Quy chế Thi đua, khen thưởng được xây dựng và có điều chỉnh hằng năm
- Quy chế đánh giá xếp loại viên chức được xây dựng và có điều chỉnh hằng năm
- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công
- Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị dạy học
- Quy chế chuyên môn, quy định về kiểm tra đánh giá
- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác: Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 quyết định ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2023; Thông báo số 235/TB-UBND ngày 15/11/2023 thông báo tài liệu từng vòng thi kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2023; Thông báo số 26/TB-HĐTDVCGD ngày 15/01/2024 thông báo kết quả thi kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2023 TP Bảo Lộc; Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 Quyết định Ban hành danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2023; Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 quyết định Về việc phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển dụng viên chức ngành giáo dục năm 2023.

II/ Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

STT	Nguồnkinh phí	Năm2023	Năm2024
1	Ngân sách nhà nước	4.660.991.831	5.629.000.000
1.1	KP thực hiện tự chủ, CCTL	4.610.521.831	5.523.000.000
1.2	KP thực hiện không tự chủ	50.470.000	106.000.000
2	Học phí	597.285.000	333.875.788
3	Thu hoãn thuận khác	317.437.729	63.210.373
3.1	Vận động tài trợ	118.893.000	38.810.000
3.2	Gửi xe	16.011.929	0
3.3	Nước uống	39.194.000	0
3.4	Vệ sinh	78.150.000	0
3.5	Photo	33.058.000	0
3.6	Phù hiệu HS	7.956.000	0
3.7	Kinh phí CSSKBĐ	24.174.800	24.400.373
	Tổng cộng	5.575.714.560	6.026.086.161

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

STT	Nội dung chi	Năm 2023	Năm 2024
1	Chi tiền lương và thu nhập	4.443.631.854	4.189.396.128
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	856.988.635	257.818.848
3	Chi hỗ trợ người học	50.470.000	17.506.000
4	Chi khác	266.788.400	240.694.600
	Tổng cộng	5.617.878.889	4.705.415.576

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

a) Năm học 2023 – 2024

- Học phí: 100.000đ/hs/tháng
- Tiền nước uống: 4.000đ/hs/tháng
- Tiền vệ sinh: 10.000đ/hs/tháng
- Tiền phù hiệu HS: 12.000đ/hs/năm
- Tiền photo: 40.000đ/hs/năm

b) Năm học 2024 - 2025

- **Học phí** thực hiện theo Nghị Quyết 318/2024/HĐND ngày 12/7/2024 Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Lộc Nga thuộc vùng xã mức học phí đóng 60.000đ/hs/tháng học trực tiếp, còn trực tuyến bằng 60% học trực tiếp

- **BHYT** thực hiện theo văn bản 1130/BHXH-QLTST ngày 26/7/2024 V/v hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025

- + 3 tháng đóng 221.130 đồng/học sinh
- + 6 tháng đóng 442.260 đồng/ học sinh
- + 12 tháng đóng 884.520 đồng/ học sinh

100% học sinh phải đóng nếu không thuộc những đối tượng miễn, giảm; theo quy định

- **Các khoản thu tự nguyện, thỏa thuận phục vụ trực tiếp học sinh:**

Thực hiện theo Nghị quyết 27/2021/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND tỉnh Lâm Đồng, Nghị quyết số 266/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 27/2021

+ **Nước lọc tinh khiết:** 4.000 đồng/hs/tháng (thu theo tháng thực học).

+ **Thuê người dọn nhà vệ sinh hs và quét sân trường, ngoài Cổng trường:** 12.000 đồng/hs/tháng (thu theo tháng thực học). dùng để trả công cho người dọn nhà vệ sinh học sinh và quét sân trường.

Chú ý: Năm học 2024 – 2025 tiếp tục thực hiện tất cả các khoản thu trong nhà trường bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Ông Âu Anh Tuấn thông qua Kế hoạch thu chi quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2024 – 2025.

Mức vận động tự nguyện là 91.000.000đ/ năm

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp đứng vận động và trích kinh phí về cho BDD trường quản lý thu – chi, nhà trường không thu hộ.

- Bảo hiểm thân thể: Trường không đứng ra thu hộ mà chỉ tuyên truyền, phổ biến để PHHS tự nguyện tham gia, bên bảo hiểm sẽ liên hệ trực tiếp với PHHS thỏa thuận tự nguyện tham gia.

- Kế hoạch nhỏ theo hướng dẫn của Hội đồng đội thành phố, bên tổ chức đội thu trường không thu hộ nhưng có sự giám sát của nhà trường.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

STT	Nội Dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Cấp bù học phí	27.700.000	7.500.000
2	Hỗ trợ chi phí học tập	10.050.000	2.250.000
3	Hỗ trợ trẻ khuyết tật	12.720.000	7.756.000

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Tổng tồn năm 2023: 146.826.571đ

- Học phí: 15.705.675đ
- Xe đạp: 66.829đ
- Vệ sinh: 30.755.982đ
- Nước uống: 19.362.340đ
- Photo: 16.619.840đ
- Tài trợ: 24.435.898đ
- CSSKBĐ: 39.880.007đ

Mục 2

CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I/ Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Cán bộ quản lý: 2 (01 đại học, 01 thạc sỹ)
- Giáo viên: 27 (27 đại học)
- Nhân viên: 4 (03 đại học, 01 trung cấp)

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý: 2 (01 đại học, 01 thạc sỹ)
- Giáo viên: 27 (27 đại học)
- Nhân viên: 4 (03 đại học, 01 trung cấp)

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 2 (100%)
- Giáo viên: 27 (100%)

- Nhân viên: 4 (1.3%)

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 6777 m²;

- điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 10.5 m²;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị: 01

- Khối phòng học tập: 16

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 03

- Khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao: 02

- Khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật:

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

46 bộ thiết bị dạy học cho các khối 6,7,8,9 ; bên cạnh đó có 375 loại thiết bị (gồm dụng cụ, hoá chất và mô hình dạy học); cơ sở vật chất máy móc thiết bị phòng tin học, lớp học được trang bị đầy đủ với (50 máy tính phòng tin), các phòng học được trang bị đầy đủ ti vi (14 cái/ 14 phòng phục vụ cho dạy và học. Cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy học tối thiểu.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục Khối 6

STT	Tên danh mục sách giáo khoa	Tên tác giả (Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản	Bộ sách	Ghi chú
1	Ngữ văn 6 Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
	Ngữ văn 6 Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Toán 6 Tập 1	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên),	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
	Toán 6 Tập 2	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị (đồng Tổng chủ biên),	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	

3	Tiếng Anh 6 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
4	Giáo dục công dân 6	Đinh Phương Duy, Đào Thị Ngọc Minh, Huỳnh Văn Sơn (đồng Chủ biên),	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
5	Khoa học tự nhiên 6	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
6	Lịch sử và Địa lí 6	Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Thị Bình (Chủ biên phần Địa lí)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
7	Tin học 6	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
8	Công nghệ 6	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Trần Văn Sỹ	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
9	Âm nhạc 6	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	Mĩ thuật 6	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên (đồng Tổng chủ biên),	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
11	Giáo dục thể chất 6	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	

12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	
----	---------------------------------------	--	-------------------	--------------------	--

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục Khối 7

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
1	Toán 7(tập 1) Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiễn, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 7(tập 2) Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền (Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiễn, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam	
3	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo Dục Việt Nam	
4	Tiếng Anh 7 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 7 tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà MyLê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	
6	Ngữ văn 7 tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà MyLê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	
7	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp, Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân, Trần Hoàng Nghiêm, Lê Cao Phan, Trần	Giáo dục Việt Nam	

		Ngọc Thắng, Nguyễn Tấn Trung.		
8	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng(tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân(chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thêm, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam	
8	Lịch sử và Địa lý (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Mai Thị Phú Phương (đồng Chủ biên phần Lịch sử); Trần Văn Nhân, Nguyễn Kim Tường Vy, Nguyễn Trà My, Hồ Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hoài; Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí); Phan Văn Phú, Mai Phú Thanh (đồng Chủ biên phần Địa lí); Vũ Thị Bắc, Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung.	Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng(tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân(chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Nguyễn Tiến Lực, Quách Văn Thêm, Nguyễn Thị Thúy.	Giáo dục Việt Nam	
10	GDCD (Kết nối tri thức với cuộc sống).	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	
11	Giáo Dục Thể Chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuân Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam	
12	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	
13	Mĩ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Nguyễn Đức Giang, Võ Thị Nguyên, Đàm Thị Hải Uyên, Trần	Giáo dục Việt Nam	

		Thị Vân.		
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Định Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Vũ Đình Bảy (Chủ biên), Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Đồng Văn Toàn, Huỳnh Mộng Tuyền.	Giáo dục Việt Nam	

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục Khối 8

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
1	Toán 8 (tập 1) Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiên, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 8 (tập 2) Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Cam, Nguyễn Văn Hiên, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh.	Giáo dục Việt Nam	
3	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Giáo Dục Việt Nam	
4	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam	
5	Ngữ văn 8 tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	
6	Ngữ văn 8 tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam	

7	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Mai Văn Hưng, Lê Kim Long, Vũ Trọng Rỹ (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Thu Hà, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thế Hưng, Nguyễn Xuân Thành, Bùi Gia Thịnh, Nguyễn Thị Thuần, Mai Thị Tình, Vũ Thị Minh Tuyền, Nguyễn Văn Vịnh.	Giáo dục Việt Nam	
8	Lịch sử và Địa lý 8 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Phan Văn Phú (Chủ biên phần Địa lí), Trần Ngọc Diệp, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Huỳnh Phẩm Dũng Phát, Phạm Đỗ Văn Trung; Hà Bích Liên (Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Trần Viết Ngạc, Trần Văn Nhân, Nguyễn Văn Phụng, Hồ Thanh Tâm.	Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Thị Thúy, Trương Minh Trí, Phạm Huy Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	
10	GDCD (Kết nối tri thức với cuộc sống).	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam	
11	Giáo Dục Thể Chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng; Nguyễn Thành Trung.	Giáo dục Việt Nam	
12	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam	
13	Mĩ Thuật 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Giáo dục Việt Nam	

14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng Chủ biên), Lại Thị Yến Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	
-----------	--	--	-------------------	--

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục Khối 9

STT	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	GHI CHÚ
1	Toán 9, tập một (Bộ Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín	Giáo dục Việt Nam	
	Toán 9, tập hai (Bộ Chân trời sáng tạo)	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Hiền, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín		
2	Tin học 9 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam	
3	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Giáo Dục Việt Nam	
4	Công nghệ 9 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú; Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thuý, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng; Đồng Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị; Nguyễn Xuân Thành (Chủ biên), Đặng Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Tiến	Giáo dục Việt Nam	

5	Ngữ văn 9 Kết nối tri thức với cuộc sống Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam	
	Ngữ văn 9 Kết nối tri thức với cuộc sống Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử & Địa lý 9 Chân trời sáng tạo	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My, Trần Việt Ngạc, Nguyễn Văn Phụng, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Huỳnh Phạm Dũng Phát (Chủ biên phần Địa lý), Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao, Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
7	Giáo dục Công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Chủ biên: Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Tổng chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ		
8	GDTC 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân		
10	Mĩ thuật 9 Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam	

11	Tiếng anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) – Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam	
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên); Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên); Nguyễn Thị Bích Liên; Lại Thị Yến Ngọc; Trần Thị Quỳnh Trang; Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

*** Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

- Số tiêu chí đạt: 10/10
- + Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 10/10
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 5/10
- + Tiêu chuẩn đạt mức độ 3
- Số tiêu chí chưa đạt: Không có

*** Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

- Số tiêu chí đạt: 4/4
- + Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 4/4
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 4/4
- + Tiêu chuẩn đạt mức độ 3
- Số tiêu chí chưa đạt: Không có

*** Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

- Số tiêu chí đạt: 6/6
- + Số tiêu chí đạt mức 1: 6/6
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 6/6
- + Số tiêu chí đạt mức 3: 5/6
- + Tiêu chuẩn đạt mức độ 3
- Số tiêu chí chưa đạt: Không có

*** Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

- Số tiêu chí đạt: 2/2
- + Số tiêu chí đạt mức 1: 2/2
- + Số tiêu chí đạt mức 2: 2/2

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 2/2

+ Tiêu chuẩn đạt mức độ 3

- Số tiêu chí chưa đạt: Không có

*** Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

- Số tiêu chí đạt: 6/6

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 6/6

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 6/6

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 4/6

+ Tiêu chuẩn đạt mức độ 3

- Số tiêu chí chưa đạt: Không có

*** Đánh giá tiêu chí mức 4**

- Số tiêu chí đạt: 1/6

- Số tiêu chí chưa đạt: 5/6

*** Kết quả:**

Đến thời điểm tự đánh giá năm 2024 trường đạt: Kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3, Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Thời gian thực hiện công nhận lại: Năm 2025

Kế hoạch cải tiến: Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các bộ phận rà soát thật kỹ các tiêu chuẩn, tiêu chí gắn với các điều kiện thực tế của nhà trường để hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt kiểm định, đề xuất cấp trên cấp các trang thiết bị dạy học đáp ứng cho chương trình giáo dục 2018, xây dựng CSVC đáp ứng Thông tư số **13/2020/TT-BGDĐT**

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Trường chưa được đánh giá ngoài

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây: Không có

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; Không có

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; Không có

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục. Không có

II/ Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Trong năm học 204-2025 tuyển sinh được 182 học sinh trên địa bàn thuộc 2 trường TH Lộc Nga, và TH Bùi Thị Xuân;

- Phương thức tuyển sinh: tuyển sinh trực tiếp, và trực tuyến;
- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: Tuyển sinh vào đầu tháng 07 hàng năm.

- b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

- Hàng năm có kế hoạch phát triển giáo dục theo năm học.

- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Về phía nhà trường

Nhà trường phải chủ động phối hợp thường xuyên và chặt chẽ với gia đình và Ban đại diện cha mẹ học sinh để xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục. Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu giáo dục.

- Hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm lớp

- + Tạo điều kiện để thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, ủng hộ hoạt động của cha mẹ học sinh thực hiện nghị quyết đầu năm học.

- + Định kỳ tổ chức cuộc họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp để tiếp thu ý kiến của Ban đại diện và cha mẹ học sinh về công tác quản lý của nhà trường, biện pháp phối hợp giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, giải quyết kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến đối với hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- + Nhà trường cử đại diện lãnh đạo làm nhiệm vụ thường xuyên phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường trong việc tổ chức hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động của cha mẹ học sinh.

- + Cùng với Ban đại diện CMHS tuyên truyền đến toàn thể PHHS về nhiệm vụ giáo dục của nhà trường, giáo dục đạo đức học sinh, học sinh chấp hành nghiêm túc về ATGT, các giải pháp phòng chống Bạo lực học đường, tai nạn thương tích, đuối nước...

- Về phía Ban đại diện cha mẹ học sinh

- + Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường;

- + Phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh;

- + Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức giáo dục học sinh hạnh kiểm yếu tiếp tục rèn luyện trong dịp nghỉ hè ở địa phương;

+ Phối hợp với Hiệu trưởng giáo dục đạo đức cho học sinh; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục đi học; học sinh chấp hành nghiêm túc về ATGT, các giải pháp phòng chống Bạo lực học đường, tai nạn thương tích, đuối nước...

+ Hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

- Chương trình tổ chức hoạt động tải nghiệm thực tế cho học sinh tại Đà Lạt, Bảo Lộc, làng nghề tại Bảo Lộc.

- Phối hợp với Hồ bơi Lộc Nga tổ chức dạy bơi cho học sinh

- Chương trình phụ đạo học sinh có kết quả chưa đạt

- Chương trình Bồi dưỡng học sinh Olympic

- Thành lập câu lạc bộ TDTT, Âm nhạc, Tiếng Anh

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có). Không có

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh: 182 HS đạt 100%;

- Tổng số học sinh toàn trường: 646 học sinh; Nữ 302 em; DT 102 em

Khối 6: 180, Nữ: 84, DT: 33 .

Khối 7: 188, Nữ: 100, DT: 30;

Khối 8: 141, Nữ: 54, DT: 23;

Khối 9: 138 Nữ: 64, DT: 16.

+ Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 6 tỉ lệ 45 học sinh/ lớp

+ Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 7 tỉ lệ 47 học sinh/ lớp

+ Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 8 tỉ lệ 47 học sinh/ lớp

+ Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 9 tỉ lệ 46 học sinh/ lớp

- Số lượng học sinh chuyển trường: 07 học sinh và tiếp nhận học sinh học tại trường (chuyển đến): 03 học sinh

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Năm học 2023-2024: Học sinh lên lớp 652 , Học sinh lưu ban: 01.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 184.

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông: 180 học sinh

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). Không có

Mục 3

CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

I/ Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục bao gồm:

- Công khai trên trang Web nhà trường <https://thcslocnga.baoloc.edu.vn/>

- Công khai trên hệ thống VnEdu

- Nội dung công khai đến tháng 6 hằng năm

- Báo cáo thường niên theo Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; 31/12 hằng năm.

- Công khai các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh đầu năm học mới hằng năm.

2. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

Công khai niêm yết tại bảng Công khai của nhà trường trong cả năm học

II/ Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

- Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

- Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

- Ngoài ra nhà trường thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

B- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1/ Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về Công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; phổ biến đến toàn thể CBGVNV nhà trường, đăng trên Web trường, vnEdu.

2/ Tổ chức triển khai ,thực hiện, tự kiểm tra đánh và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Phòng GDĐT TP Bảo Lộc thực hiện quy định về công khai minh bạch trong hoạt động cơ quan đơn vị. thực hiện báo cáo thường niên theo mẫu phụ lục I (*đính kèm*).

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai trong cơ sở giáo dục của trường THCS Lộc Nga năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

Chi bộ b/c;
HĐT b/c;
Trang web trường;
Bảng 3 công khai;
Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục I

**MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ
THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN CƠ QUAN TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP

**TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Năm:

- I. THÔNG TIN CHUNG.
- II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.
- III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.
- IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.
- V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.
- VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH.
- VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)